

Bản án số: 64/2018/HS-ST
Ngày 28-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Trần Thị Thanh Trang

ông Lê Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2018/TLST-HS ngày 14/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị H** (tên thường gọi là V), sinh năm: 1973, tại Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú: khu phố C, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: ấp C, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang T, sinh năm: 1950 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1951; gia đình có 06 chị, em, bị cáo thứ 02; chồng: Lê Viết V, sinh năm: 1974 (đã ly thân), có 03 con chung, sinh năm: 1993, 1996 và 1999; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. **Nguyễn Văn Thế H** (tên thường gọi là C), sinh năm: 1998, tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 17, ấp PL, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1971 và bà Phạm Thị S, sinh năm: 1969; gia đình có 02 chị, em, bị cáo nhỏ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **Đoàn Tuấn V**, sinh năm: 1996, tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 8, ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn T, sinh năm: 1973 và bà Lý Thị L, sinh năm: 1971 (cha mẹ ly hôn), cha đẻ: Bùi Đắc S, sinh năm: 1972; gia đình có 03 anh, em, bị cáo lớn nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1976, tại Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp LH, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1931 (đã chết) và bà Trần Thị K, sinh năm: 1936; gia đình có 11 chị, em, bị cáo thứ 7; vợ: Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1975 (đã ly hôn), có 02 con chung, sinh năm 1997 và 2000; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Nguyễn K**, sinh năm: 1964, tại Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 2, thôn CH, xã QT, thị xã BD, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ 4, ấp B, xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1944 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1949 (đã chết); gia đình có 08 anh, em, bị cáo lớn nhất; vợ: Hoàng Thị V, sinh năm: 1968, có 05 con chung, sinh năm 1986, 1989, 1990, 1993 và 1995; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Công ty cổ phần chăn nuôi C

Địa chỉ: khu công nghiệp BH II, phường L, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai

Do ông MS, chức vụ: Tổng giám đốc, làm đại diện theo pháp luật;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1962, địa chỉ: 12A/72, khu phố MM, phường HN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 06/11/2018);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. ông Phạm Văn C, sinh năm: 1958, địa chỉ: số 07, tổ 13, ấp M, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

2. anh Lê Hữu L, sinh năm: 1990, địa chỉ: tổ 3, ấp LH, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

3. ông Lê Hữu M, sinh năm: 1963, địa chỉ: tổ 3, ấp LH, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

- *Người làm chứng:* anh Lê Văn H, sinh năm: 1994, địa chỉ: ấp LH, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(ông K, ông C, anh L và ông M có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H và Nguyễn Văn Thế H quen biết nhau trong thời gian H làm thuê cho trại cá của ông Nguyễn Đình H, còn Thế H làm thuê cho trại chăn nuôi heo “HP” thuộc Công ty cổ phần chăn nuôi C tại ấp LH, xã XD, huyện CM; trại heo và trại cá giáp ranh nhau. Vào khoảng tháng 6/2018, H và Thế H nảy sinh ý định trộm cắp cám heo của trại chăn nuôi heo HP nên Thế H đã lấy trộm chìa khóa kho cám đưa cho H đi cắt thêm 01 chìa khóa khác nhưng chưa thực hiện được thì đến tháng 8/2018, cả hai đều chuyển đi nơi khác làm. Đến 15 giờ ngày 12/9/2018, H gọi điện thoại cho Thế H bàn cách đột nhập vào kho cám của trại chăn nuôi heo “HP” lấy trộm cám heo bán lấy tiền tiêu xài thì Thế H đồng ý. Sau đó, Thế H rủ Đoàn Tuấn V và Nguyễn Văn T cùng đi lấy trộm cám của trại heo HP thì V, T đồng ý. Đến khoảng 19 giờ ngày cùng ngày, Thế H gọi điện thoại cho H đến trại cá để bàn bạc cách thức đột nhập trại heo lấy trộm cám. H nhờ Nguyễn K (là người sống chung như vợ chồng với H) chở H đến trại cá. Tại đây, H, Thế H, T, V bàn bạc với nhau đến nửa đêm sẽ đi lấy trộm cám, còn K thì nằm ngủ trên võng gần đó. Đến 23 giờ cùng ngày, H gọi K dậy rồi cùng Thế H, V, T đi đến kho cám của trại heo HP. Thế H và V dùng chìa khóa mà H đã chuẩn bị trước đó mở khóa kho cám rồi vác cám ra cho T, K chuyển vào trại cá cất giấu, riêng H đứng ngoài canh giới. Khi lấy trộm được 40 bao cám, loại 25kg, hiệu 550SF thì cả bốn không lấy nữa mà quay về trại cá ngồi nói chuyện. Đến 03 giờ ngày 13/9/2018, H gọi điện cho ông Phạm Văn C để bán cám nhưng ông C bận việc, chưa đến lấy ngay được nên H bảo K gọi điện cho ông Lê Hữu M thuê ông M chở số cám vừa trộm được về nhà ông M gửi. Khoảng 10 phút sau, ông M cùng với anh Lê Hữu L (con trai ông M) điều khiển xe ba gác đến chở cám về nhà ông M. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H bán 35 bao cám cho ông C được 8.750.000 đồng, 05 bao cám còn lại H đưa cho L để trừ 200.000 đồng tiền công vận chuyển và 1.000.000 đồng H vay L trước đó. Số tiền bán cám, H chia cho V, Thế H mỗi người 2.200.000 đồng, chia cho T 1.500.000 đồng, còn lại H và K chia nhau. Ngày 14/9/2018, Thế H, T, V đến cơ quan Công an đầu thú. Cùng ngày, H, K cũng bị bắt giữ, xử lý.

Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện CM xác định: 40 bao cám, loại 25kg, hiệu 550SF tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 15.190.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 39 bao cám, loại 25kg, hiệu 550SF do anh L và ông C giao nộp, đã trả lại cho bị hại là Công ty cổ phần chăn nuôi C; còn 01 bao cám, loại 25kg, hiệu 550SF, ông C đã cho heo ăn nên không thu hồi được;

- 7.250.000 đồng, gồm: 2.900.000 đồng do Thế H giao nộp (trong đó phần của Thế H 2.200.000 đồng, của V 700.000 đồng); 1.500.000 đồng do T giao nộp; 2.850.000 đồng do H, K giao nộp, đã trả lại cho ông C;

Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty cổ phần chăn nuôi C đã nhận lại 39 bao cám hiệu 550SF, đối với 01 bao cám không thu hồi được, Công ty không yêu cầu bồi thường;

- Ông Phạm Văn C đã nhận lại số tiền 7.250.000 đồng, còn 1.500.000 đồng mà V chưa giao nộp thì ông C không yêu cầu bồi thường; anh Lê Hữu L đã nhận lại số tiền 1.200.000 đồng từ H và không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số: 65/CT-VKSCM ngày 14/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Thế H, Đoàn Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Thế H, Đoàn Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo H và bị cáo Thế H từ 08 tháng đến 10 tháng tù; xử phạt bị cáo T và bị cáo V từ 06 tháng đến 08 tháng tù; áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo K từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ; việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của BLTTHS.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Thế H, Đoàn Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn K đều thừa nhận vào tối 12/9/2018 đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 40 bao cám hiệu 550SF của trại heo HP; sau khi lấy trộm được số cám này các bị cáo đã bán cho ông Phạm Văn C 35 bao với giá 8.750.000 đồng, còn 05 bao đã căn trừ vào khoản nợ 1.000.000 đồng và tiền chi phí thuê xe vận chuyển của anh Lê Hữu L. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện CM xác định: 40 bao cám, loại 25kg, hiệu 550SF tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 15.190.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo H, Thế H, V, T và K phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như Cáo trạng số 65/CT-VKSCM ngày 14/11/2018 của VKSND huyện CM đã truy tố là có căn cứ.

[4] Đây là vụ án đồng phạm “Trộm cắp tài sản” do các bị cáo H, Thế H, V, T và K cùng thực hiện. Xét vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi của từng bị cáo trong vụ án nhận thấy: Tại phiên tòa bị cáo Thế H khai nhận: trong thời gian còn làm việc tại trại heo HP có thời điểm bị cáo thiếu suy nghĩ, cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định lấy trộm cám heo của trại để bán lấy tiền; bị cáo có nói với bị cáo H về ý định này thì bị cáo H đã gợi ý với bị cáo dùng chìa khóa kho ép mạnh vào một miếng xốp để lấy dấu, tuy nhiên sau đó bị cáo lấy được chìa khóa đưa cho bị cáo H đi cắt 01 chìa khóa tương tự và bị cáo H cất giữ chìa khóa này; đến chiều ngày 12/9/2018 bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo yêu cầu bị cáo đến trại cá thăm dò xem người trông coi có thể lợi dụng được không, nếu được thì sẽ tiến hành lấy trộm cám; sau khi rủ được V cùng tham gia, bị cáo đã cùng bị cáo V gặp bị cáo T nói chuyện thì được bị cáo T đồng ý giúp để được chia tiền; sau khi bị cáo gọi điện thoại cho bị cáo H thông báo kết quả việc bị cáo T đồng ý tham gia cùng thì bị cáo H thống nhất sẽ thực hiện lấy trộm cắp cám ngay trong tối 12/9/2018; đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo H đi cùng bị cáo K đến trại cá gặp các bị cáo và đưa chìa khóa kho cám mà bị cáo H đã cắt, giữ trước đây cho bị cáo cùng V sang kiểm tra kho cám; sau khi kiểm tra thấy trong kho chỉ có khoảng 50 bao cám loại 25kg thì bị cáo có đề nghị với các bị cáo khác do cám ít nên để lúc khác lấy nhưng bị cáo H yêu cầu cứ tiếp tục lấy trộm cho nên đến khoảng 23 giờ các bị cáo đã lấy 40 bao cám. Lời khai của các bị cáo V, T và K tại phiên tòa cũng phù hợp với lời khai của bị cáo Thế H và phù hợp với lời khai của chính mình trong giai đoạn điều tra. Riêng bị cáo Trần Thị H đã có lời khai khác với lời khai trong quá trình điều tra, cụ thể tại phiên tòa ban đầu bị cáo H không thừa nhận việc có bàn bạc với bị cáo Thế H cắt chìa khóa nhằm lấy trộm cám mà chỉ giúp bị cáo Thế H cắt chìa khóa kho cám do tính Thế H hay quên, sợ bị mất; bị cáo không thừa nhận đã có gọi điện thoại rủ rê, bàn bạc với bị cáo Thế H lấy trộm cám vào ngày 12/9/2018 mà cho rằng chính bị cáo Thế H gọi điện thoại rủ bị cáo mang theo chìa khóa đến trại cá và tại trại cá, sau khi lấy chìa khóa đi khoảng 15 phút bị cáo Thế H quay lại nói với bị cáo là đang cần tiền sửa xe, rủ bị cáo tham gia trộm cám; ngoài ra bị cáo còn khai báo

quanh co về thời gian, diễn biến vụ án. Tuy nhiên, qua xét hỏi và đối chất tại phiên tòa đã có cơ sở xác định lời khai của bị cáo Thế H là đúng với sự thật và diễn biến vụ án; vai trò của 02 bị cáo H và Thế H là người khởi xướng, các bị cáo đã có sự bàn bạc trước đó, đã lấy trộm chìa khóa kho cám trại heo HP để cất thêm chìa khóa khác và khi có điều kiện thuận lợi đã thực hiện hành vi phạm tội, quá trình thực hiện tội phạm bị cáo Thế H còn đóng vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo đã trực tiếp kiểm tra kho cám, sau đó cùng bị cáo V vào kho lấy cám, còn bị cáo H vì là nữ nên không tham gia vác cám nhưng thực hiện nhiệm vụ cảnh giới cho các bị cáo khác và sau khi lấy trộm được 40 bao cám thì bị cáo có vai trò quyết định việc tiêu thụ tài sản trộm cắp như thế nào; do đó các bị cáo H và Thế H phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo V tham gia với vai trò thực hành, chính bị cáo đã cùng bị cáo Thế H trực tiếp vào kho lấy trộm cám và được chia phần ngang với bị cáo Thế H nên vai trò đứng sau 02 bị cáo trên; còn bị cáo T là người được ông Nguyễn Đình H thuê bảo vệ, trông coi trại cá lẽ ra phải làm đúng trách nhiệm của một người bảo vệ, nhưng vì tham lam, muốn có tiền một cách bất hợp pháp đã tiếp tay cho các bị cáo H và Thế H trong việc trộm cắp tài sản, không những vậy, bị cáo còn tham gia với vai trò thực hành, đã cùng bị cáo K vận chuyển cám từ trại heo sang trại cá giúp cho bị cáo Thế H và bị cáo V, vai trò của bị cáo T thấp hơn bị cáo V nên phải chịu hình phạt thấp hơn V nhưng cao hơn bị cáo K.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện giao nộp tiền và bồi thường thiệt hại do mình gây ra nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo điểm b và i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Tại phiên tòa, các bị cáo Thế H, V, T và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo H không thành khẩn, nên HĐXX cho 04 bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, cũng xét các bị cáo đều là dân lao động, nhất thời phạm tội, các bị cáo Thế H, V và T sau khi phạm tội đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái, đã đến cơ quan công an đầu thú; bị cáo H có cha mẹ là người có công với cách mạng nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS là phù hợp.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty C, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; do đó cần áp dụng loại hình phạt tù và có mức hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo, để trừng trị, giáo dục các bị cáo; bên cạnh đó cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Từ những phân tích về tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án, xét thấy: các bị cáo V, T và K đều có nhân thân tốt, tham gia với vai trò thứ yếu, do bị rủ rê, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo là phù hợp. Còn đối với bị cáo H và Thế H là người chủ mưu, khởi xướng nên cần phải cách ly các bị cáo một thời gian đủ để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Hành vi của các ông Phạm Văn C, Lê Hữu M và anh Lê Hữu L đã giúp cho các bị cáo hoàn thành vận chuyển cũng như tiêu thụ 40 bao cám đã trộm cắp được; tuy nhiên, do không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho Công ty C, các thiệt hại khác đã được các bị cáo bồi thường và không ai có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Thế H, Đoàn Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Trần Thị H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian giam giữ trước từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Thế H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian giam giữ trước từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Đoàn Tuấn V 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn K 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Thế H, Đoàn Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND phường MN, xã HH, xã TT, xã QT, xã XD, xã LS;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hà Thế Nam